

**CÔNG TY TNHH JIYUL VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH JIYUL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JIYUL VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: JIYUL VN CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109083847

**3. Ngày thành lập:** 07/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                          | 9311     |
| 2.  | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao                                                                                                     | 9312     |
| 3.  | Hoạt động thể thao khác<br>Trừ hoạt động của các liên đoàn thể thao và các ban điều lệ                                                    | 9319     |
| 4.  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                             | 9321     |
| 5.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Trừ hoạt động của các sàn nhảy, hoạt động của phòng hát karaoke                | 9329     |
| 6.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                          | 5610     |
| 7.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                  | 5621     |
| 8.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                      | 5629     |
| 9.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                   | 5630     |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                 | 5510     |
| 11. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                        | 5590     |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                      | 4711     |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4721     |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4722     |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                            | 4723     |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh. | 8299     |
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                       | 1812     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng<br>- Kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng                                                                                          | 4632 |
| 19. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                           | 4633 |
| 20. | Hoạt động hậu kỳ<br>(Không bao gồm hoạt động sản xuất phim điện ảnh và phim video)                                                                                                                                                         | 5912 |
| 21. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>( Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                           | 5920 |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                                                                         | 7490 |
| 23. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)                                                                                                                              | 4620 |
| 24. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>Chi tiết:<br>- Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ;<br>- Cắt, tỉa và cạo râu;<br>- Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm... | 9631 |
| 25. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                  | 9610 |
| 26. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                             | 7911 |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                      | 7912 |
| 28. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                         | 4719 |
| 29. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                        | 7990 |
| 30. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                           | 4610 |
| 31. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                   | 7020 |
| 32. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                 | 8699 |
| 33. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                          | 4669 |
| 34. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                    | 4772 |
| 35. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                       | 4641 |
| 36. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                            | 7310 |

|     |                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 37. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                        | 7320        |
| 38. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                            | 8230        |
| 39. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820        |
| 40. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                            | 7729        |
| 41. | In ấn                                                                                                                                                                                | 1811        |
| 42. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                   | 4649(Chính) |
| 43. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4771        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN TRONG SƠN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 15/10/1959

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111416358

Ngày cấp: 30/03/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: NGUYỄN TRONG SƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/10/1959

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111416358

Ngày cấp: 30/03/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội